

ÁP DỤNG MÔ HÌNH CIPO TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG XÃ HỘI TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

APPLYING THE CIPO MODEL

INTO MANAGING EDUCATION OF SOCIAL SKILLS IN EDUCATIONAL INSTITUTIONS

NGUYỄN THÀNH NHÂN

Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Quận 1, thanhnhan_vn@yahoo.com

Nghiên cứu sinh chuyên ngành Quản lý giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 03/4/2020 Ngày nhận lại: 28/5/2020 Duyệt đăng: 22/6/2020 Mã số: TCKH-S02T6-B18-2020 ISSN: 2354 – 0788</p> <p>Từ khóa: <i>CIPO, kỹ năng xã hội.</i></p> <p>Key words: <i>CIPO, social skills.</i></p>	<p><i>Giáo dục kỹ năng xã hội của học sinh là hình thành năng lực tâm lý - xã hội cho học sinh để học sinh có hành vi tích cực và thích ứng xã hội, làm chủ hành vi trong các tình huống của cuộc sống. Kỹ năng xã hội của học sinh bao gồm: kỹ năng nhận thức xã hội; kỹ năng giao tiếp hiệu quả; kỹ năng tương tác xã hội và hợp tác; kỹ năng giải quyết xung đột. Trong từng kỹ năng sẽ biểu hiện nhiều kỹ năng cụ thể (kỹ năng thành phần). Bài viết trình bày mô hình CIPO và sự vận dụng mô hình CIPO vào quản lý giáo dục kỹ năng xã hội tại cơ sở giáo dục, qua đó, các nhà khoa học, các nhà quản lý có thể tham khảo triển khai trong công tác giáo dục kỹ năng xã hội tại Việt Nam.</i></p> <p>ABSTRACT</p> <p><i>Educating social skills for students is to form a psycho-social competencies for students so that students have positive and socially adaptive behaviors, mastering behaviors in situations of life. Student's social skills include: social cognitive skills; effective communication skills; social interaction and cooperation skills; conflict solving skills. In each skill has many specific skills (component skills). This paper presents the CIPO model and application to the management of social skills education at educational institutions, through which scientists and managers can refer and implement in social skills education in Vietnam.</i></p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI, tâm lý học đã có nhiều công trình nghiên cứu học thuật về kỹ năng xã hội (Social Skills) ở trẻ khuyết tật và hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ khuyết tật ngôn ngữ. Những ảnh hưởng và tác động mạnh mẽ của nghiên cứu kỹ năng xã hội ở trẻ em của tâm lý học đã xúc tiến cho những nghiên cứu liên ngành thuộc khoa học xã hội. Trong lĩnh vực nghiên cứu của ngành triết học đã có một số công trình học thuật nghiên cứu về kỹ năng xã hội với quan điểm không gian của trẻ em. Những nghiên cứu ứng dụng đối với kỹ năng xã hội của học sinh đã vượt ra khỏi đối tượng của tâm lý học để mở rộng sang lĩnh vực giáo dục học và quản lý với mọi đối tượng từ 3-18 tuổi để trở thành xu hướng nghiên cứu của giáo dục học đương đại.

Báo cáo thường niên lần thứ 23 của Ủy ban Giáo dục Quốc gia Hoa Kỳ đã nêu có 27,1% học sinh bỏ học là bị hạn chế khả năng học tập. Điều này cho thấy, tỷ lệ học sinh bỏ học do hạn chế khả năng học tập hơn tỷ lệ học sinh bỏ học lớn có khả năng học tập tốt. Daniel và cộng sự (2006) đã nghiên cứu về đối tượng học sinh bỏ học và đã chỉ ra “học sinh gặp khó khăn trong học tập trải qua sự thất vọng ngày càng tăng, lòng tự trọng thấp và mất động lực học tập khi chúng tiến bộ trong trường học”. Ông cho rằng: nếu những học sinh này được dạy các kỹ năng xã hội phù hợp, họ sẽ có nhiều khả năng có được và duy trì một công việc (Daniel, Walsh, Goldston, Arnold, Reboussin, Wood, 2006, tr.508). Kamens và cộng sự (2004) cũng đồng tình với quan điểm này, khi cho rằng: “một số học sinh chỉ cần hướng dẫn trực tiếp và cơ hội hơn để thực hành các kỹ năng xã hội trong môi trường giáo dục và dạy nghề phù hợp với sự phát triển” (Kamens, Dolyniuk, Dinardo, Rockoff, Forsythe, Corman, 2004, tr.24).

Nhiều công trình nghiên cứu đã xác định thiếu các kỹ năng xã hội phù hợp là yếu tố chính của sự thất bại ở những cá nhân, không chỉ đối

với những học sinh gặp vấn đề về thính giác trong các vị trí xã hội. Nghiên cứu của Betlow (2005) về những người bị thất nghiệp nhận thấy rằng: rất nhiều trong số họ mất việc bởi lý do thiếu hụt kỹ năng xã hội (Betlow, M., 2005). Vì thế, dạy các kỹ năng xã hội có thể làm giảm số lượng các hành vi không phù hợp trong lớp, chẳng hạn như gây hấn và có thể cải thiện mối quan hệ cá nhân giữa các đồng nghiệp và người lớn của học sinh và giúp trẻ “gia tăng sự hòa nhập giữa những người khiếm thính và những người bình thường” (Agran, M., Hughes, c., Thoma, c. A., & Scott, L.A., 2016).

Esra G. Karakaya, Mumin Tufan (2018) đã nghiên cứu quá trình quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội trong lớp học ở trường mầm non qua một nghiên cứu của mình và đã xác định: Quản lý lớp học là một khái niệm đa chiều, bao gồm các quá trình ra quyết định bằng cách thực hiện từng cá nhân sự khác biệt vào tài khoản. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động trong lớp, quản lý hành vi, tổ chức môi trường vật lý và tài liệu giáo dục có thể được coi là kích thước của quản lý lớp học (Esra G. Karakaya, Mumin Tufan, 2018, tr.125). Viết trong báo cáo nghiên cứu của mình, Sakaria (2009) cho rằng: “Một môi trường lớp học tích cực là rất quan trọng để đạt được thành công dự định trong giáo dục. Học sinh cảm thấy thoải mái hơn và an toàn trong các lớp học nơi các quy tắc lớp học được xác định và các hành vi tiêu cực được giảm thiểu. Giáo viên cần phải chịu trách nhiệm quản lý lớp học để ngăn chặn các hành vi không mong muốn trong lớp. Quản lý lớp học hiệu quả là bước đầu tiên của sự thành công trong giáo dục” (Sakarya, AR, 2009, tr.29).

Trong một nghiên cứu có tiêu đề Thực hành quản lý lớp học của giáo viên: Ảnh hưởng đến hành vi gây rối hoặc gây hấn của học sinh, Oliver, Wehby và Reschly (2011) đã điều tra mối quan hệ giữa thực hành quản lý lớp học của giáo viên và hành vi có vấn đề của học sinh. Kết quả, các tác giả này đã chỉ ra mối quan hệ có ý

nghĩa giữa kỹ năng quản lý lớp học của giáo viên và hành vi có vấn đề của học sinh trong lớp. Trái với phát hiện này, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng không có mối quan hệ đáng kể giữa điểm số của giáo viên trong thang điểm kỹ năng quản lý lớp học và điểm số của học sinh về kỹ năng xã hội và hành vi có vấn đề. Do đó, người ta đã xác định rằng các kỹ năng xã hội và hành vi có vấn đề của học sinh liên quan đến kỹ năng quản lý lớp học của giáo viên (Oliver, RM, Wehby, JH, & Reschly, DJ, 2011).

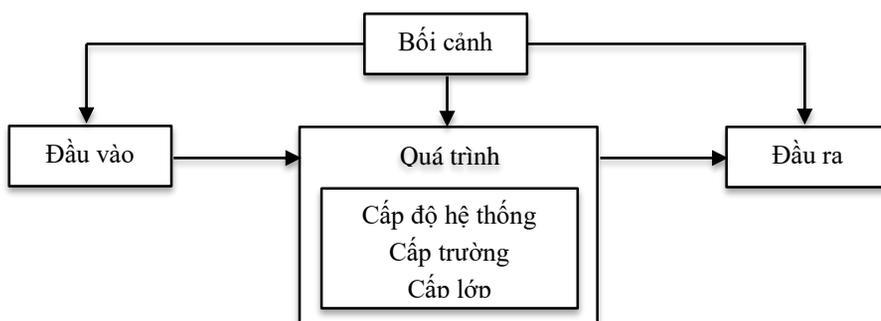
Tại Việt Nam, chưa có nhiều nghiên cứu về kỹ năng xã hội. Chương trình Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư Số: 01/VBHN-BGDĐT, ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có những thay đổi đáng kể, trong đó, việc đưa nội dung “Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội” vào giáo dục ở cả lớp trẻ và các lớp mẫu giáo theo yêu cầu: “thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hòa nhập vào cuộc sống” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017). Nội dung giáo dục này đã trở thành đối tượng nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc các ngành Tâm lý học, Giáo dục học.

Vấn đề quản lý chất lượng giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội ở các trường mầm non đã được một số học giả quan tâm. Để quản lý tốt hoạt động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho học sinh ở các trường mầm non, Nguyễn Thị Ngọc Lệ (2015) đã khảo sát nhận thức về sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý

công tác giáo dục tình cảm – kỹ năng xã hội cho trẻ của các trường mầm non ở thành phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang, đó là các biện pháp: 1) Tăng cường quán triệt đầy đủ quan điểm, đường lối giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội của Đảng, Nhà nước đối với đội ngũ giáo viên, công nhân viên nhà trường; 2) Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các thành viên, tổ chức của nhà trường trong công tác giáo dục tình cảm – kỹ năng xã hội cho học sinh; 3) Xây dựng môi trường sư phạm trong sáng mẫu mực; 4) Đa dạng hóa các hình thức giáo dục tình cảm – kỹ năng xã hội cho trẻ; 5) Hiệu trưởng tăng cường hiệu quả các hoạt động giáo dục tình cảm – kỹ năng xã hội thông qua các hoạt động giáo dục trên lớp; 6) Tập trung chỉ đạo nâng cao hiệu quả đổi mới kiểm tra, đánh giá thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học; 7) Thành lập tổ chuyên môn; 8) Phát huy hơn nữa vai trò của giáo viên trong việc giáo dục tình cảm – kỹ năng xã hội; 9) Tổ chức phối hợp giữa gia đình, nhà trường và các lực lượng trong xã hội trong công tác giáo dục tình cảm – kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non (Nguyễn Thị Ngọc Lệ, 2015).

2. MÔ HÌNH CIPO – CONTEXT INPUT PROCESS OUTPUT/OUTCOME

Với quan điểm tiếp cận mô hình CIPO, giáo dục có thể được coi là một quá trình sản xuất, theo đó đầu vào phải thông qua một quá trình trong hệ thống hoặc cấp độ hệ thống của nó mới dẫn đến kết quả ở đầu ra mà quá trình này diễn ra trong sự tác động của một bối cảnh nhất định.



Hình 1. Mô hình CIPO

Hiệu suất đạt được ở đầu ra phụ thuộc vào quá trình hoạt động giáo dục được vận hành trong một hệ thống mà sự vận hành này chi phối bởi sự quản lý của tổ chức điều hành hệ thống. Tiếp cận quá trình CIPO sẽ giúp nhà quản lý đánh giá được hiệu quả của giáo dục, kiểm soát quá trình thực hiện cũng như các yếu tố tác động khác. Theo mô hình CIPO, quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh là tác động có mục đích, định hướng của các nhà quản lý (hiệu trưởng) thông qua quản lý đầu vào, quá trình, đầu ra trong một bối cảnh cụ thể đến đối tượng quản lý (quá trình giáo dục cùng giáo viên và học sinh) nhằm đạt được mục tiêu quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh đã đặt ra. Nội dung quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh theo mô hình CIPO bao gồm: quản lý các yếu tố đầu vào, quản lý quá trình giáo dục, quản lý các yếu tố đầu ra, quản lý các yếu tố thuộc về bối cảnh của giáo dục.

3. ÁP DỤNG MÔ HÌNH CIPO TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG XÃ HỘI CHO HỌC SINH TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

3.1. Quản lý các yếu tố đầu vào của giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh

Quản lý chương trình giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh: là các tác động quản lý của hiệu trưởng đến chương trình, nội dung giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh, nhằm đưa nội dung chương trình vào thực tiễn phù hợp với các yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Ban giám hiệu chỉ đạo và hỗ trợ giáo viên thực hiện chương trình hoặc thực hiện vai trò giám sát chương trình nếu các đối tác, công ty bên ngoài khi thực hiện sao cho đảm bảo yêu cầu của cấp trên và kế hoạch đề ra. Ngoài ra, chương trình nội dung giáo dục kỹ năng xã hội cần được rà soát, cập nhật và bổ sung nhằm đáp ứng với nhu cầu thực tiễn địa phương và phù hợp với các loại đối tượng học sinh.

Quản lý giáo viên: là tác động của hiệu trưởng đến xây dựng đội ngũ giáo viên của cơ sở

nhằm nâng cao chất lượng người dạy trong bối cảnh thực hiện chương trình giáo dục mới.

Quản lý học sinh: là tác động của hiệu trưởng đến học sinh thông qua giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn, cũng như các hoạt động giáo dục khác nhằm đảm bảo hiệu quả giáo dục kỹ năng xã hội trong trường học. Cần đánh giá đúng trình độ kỹ năng của các em, các kỹ năng cần được bổ sung để giúp các em hoàn thiện năng lực của mình. Chính vì vậy, ban giám hiệu cần tiến hành khảo sát, lấy ý kiến trước khi triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng xã hội.

Quản lý các điều kiện đảm bảo giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh: là tác động của hiệu trưởng đến hoạt động sử dụng nguồn lực phục vụ cho giáo dục (tài chính, phương tiện, cơ sở vật chất) nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực phục vụ giáo dục kỹ năng xã hội đáp ứng nhu cầu giáo dục mới.

3.2. Quản lý quá trình giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh trong bối cảnh đổi mới giáo dục

Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh của giáo viên: là tác động quản lý của hiệu trưởng tới đội ngũ giáo viên thông qua lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động giảng dạy của giáo viên.

Quản lý quá trình học tập, rèn luyện kỹ năng xã hội của học sinh: là tác động của hiệu trưởng đến hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức.

Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh: là tác động của hiệu trưởng đến hoạt động kiểm tra, đánh giá học tập của học sinh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh.

Quản lý sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội nhằm giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh: Để quản lý tốt sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh, hiệu trưởng cần: xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình học sinh, giữa nhà trường với các lực lượng xã hội. Xây dựng kế hoạch theo từng học kỳ cho

hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, trong đó thể hiện rõ mục đích của hoạt động cần đạt được, trách nhiệm của các bên liên quan, thời gian thực hiện và nguồn lực cần được huy động; tổ chức và chỉ đạo thực hiện sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trên cơ sở kế hoạch đã đề ra, đảm bảo tổ chức thực hiện theo đúng mục đích, huy động đầy đủ nguồn lực và có kết quả và có hiệu quả. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá các hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh.

3.3. Quản lý các yếu tố đầu ra của giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh

Đầu ra của giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh là những kiến thức, kỹ năng của học sinh đạt được, so với mục tiêu, yêu cầu đặt ra trong kế hoạch ban đầu.

Thực hiện đánh giá chất lượng, kiến thức kỹ năng xã hội: Thực hiện quá trình đánh giá này để xác định khả năng tiếp thu và vận dụng kỹ năng xã hội của học sinh trong quá trình trang bị kỹ năng xã hội cho các em. Có thể thực hiện đánh giá thông qua khảo sát cụ thể kết quả học tập của các em; theo dõi đánh giá sự thay đổi của các em trong nhà trường, lớp học hoặc tại nhà. Nhiều quốc gia xây dựng thang đo cụ thể về hành vi, thái độ, khả năng vận dụng để đánh giá kỹ năng xã hội của các em. Cần tiến hành khảo sát sau mỗi kì học tập, năm học để đánh giá lại nội dung, hình thức, kết quả đạt được so với mục tiêu ban đầu. Từ đó tổ chức tổng kết, đánh giá và điều chỉnh nội dung nếu cần.

Thực hiện đánh giá giáo viên: Ban giám hiệu chỉ đạo kiểm tra đánh giá giáo viên giảng dạy trực tiếp kỹ năng xã hội cho các em. Đánh giá chất lượng giờ dạy của giáo viên thông qua kết quả lên lớp giảng dạy kỹ năng xã hội thông qua dự giờ theo định kỳ và đột xuất cũng như các nội dung bồi dưỡng nâng cao tay nghề dành cho giáo viên giảng dạy kỹ năng xã hội. Chỉ đạo và tổ chức cho giáo viên chủ nhiệm, giáo viên các bộ môn đưa ra ý kiến nhận xét về kỹ năng

các em đạt được, kể cả việc tác động của kỹ năng xã hội đến kết quả học tập.

Ghi nhận phản hồi kết quả giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh: Lắng nghe phản hồi trực tiếp của cha mẹ học sinh. Thu thập thông tin phản hồi từ hội phụ huynh nhà trường. Đánh giá việc thay đổi năng lực, hành vi thông qua nhận xét của giáo viên chủ nhiệm, giám thị, bạn bè và kết quả học tập của các em thông qua quá trình học tập trên lớp. Tổ chức phiếu hỏi trực tiếp để đo lường kết quả từ các em.

3.4. Quản lý các yếu tố thuộc về bối cảnh của giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh

Tác động của chủ trương chính sách: Tác động của các yếu tố về chủ trương chính sách, cơ chế quản lý của nhà nước là yếu tố khách quan có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội ở các cơ sở giáo dục. Nghị quyết 29/NQ-TW về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo tác động rất nhiều đến giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh. Chương trình giáo dục phổ thông mới ban hành 2018 đã phản ánh tinh thần việc dạy kỹ năng chuyên hướng dạy học theo định hướng nội dung sang dạy học phát triển năng lực và phẩm chất người học. Những vấn đề như giáo dục kỹ năng xã hội không còn là nội dung giáo dục bên ngoài nhà trường mà trở thành định hướng, mục tiêu, nội dung giảng dạy quan trọng đối với học sinh.

Tác động của sự phát triển khoa học công nghệ trong giai đoạn hiện nay và sự áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại vào quản lý, kinh tế, xã hội. Cuộc cách mạng 4.0 đang đặt ra nhiều thách thức cho giáo dục và đào tạo phải tạo được những sản phẩm không phải đo bởi giá trị bằng cấp mà là giá trị thật cho người học và xã hội; tức là phải hình thành ở người học những kỹ năng thiết yếu. Kỹ năng xã hội là một phần quan trọng trong nhân cách con người. Để tồn tại và thích ứng trong thời đại Cách mạng 4.0 con người cần được trang bị những kỹ năng quan trọng.

Tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường: Trong những năm gần đây chúng ta nhìn thấy việc các em học sinh không làm chủ được bản thân gây ra những hành vi vi phạm pháp luật ngày càng tăng. Điều này giống lên hồi chuông cảnh báo cho toàn ngành giáo dục và đặt ra nhiệm vụ mới đó là giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh. Từ chỉ thị 3008/CT-BGDĐT ngày 18/8/2014 đã xác định nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục là phải tăng cường giáo dục kỹ năng. Tiếp theo sau đó là một loạt chỉ đạo giáo dục kỹ năng như một giải pháp quan trọng hỗ trợ học sinh hình thành nhân cách và phát triển năng lực của mình.

4. KẾT LUẬN

Kỹ năng xã hội như là một vấn đề của khoa học giáo dục đương đại đang đặt ra nhiều cơ hội và thách thức cho các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Mặc dù những vấn đề năng lực xã hội của con người được nhiều người nói đến ở

nửa đầu thế kỷ XX, nhưng khi vấn đề kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trở thành vấn đề toàn cầu thì nghiên cứu kỹ năng xã hội đã thực sự đi vào chiều sâu. Quản lý giáo dục kỹ năng xã hội ở các cơ sở giáo dục theo mô hình quản lý CIPO cần thực hiện đồng bộ quản lý các khâu của quá trình dạy học: quản lý các yếu tố đầu vào; quản lý quá trình giáo dục; quản lý các yếu tố đầu ra và quản lý các yếu tố bối cảnh mà quá trình giáo dục diễn ra. Việc quản lý toàn diện quá trình này sẽ có cơ hội và khả năng thu được những hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh tại các cơ sở giáo dục. Cơ sở lý luận về quản lý giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh theo mô hình CIPO là cơ sở khoa học để khảo sát và đánh giá thực tiễn, từ đó xây dựng các biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng xã hội nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển năng lực cho các em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Agran, M., Hughes, c., Thoma, c. A., & Scott, L.A. (2016), *Employment Social Skills: What Skills Are Really Valued? Career Development and Transition for Exceptional Individuals*, 39(2).
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Chương trình giáo dục Mầm non*, số: 01/VBHN-BGDĐT.
3. Betlow, M. (2005), *The effect of social skills intervention on the emotional intelligence of children with limited social skills*. Unpublished thesis Hall University.
4. Daniel, s., Walsh, A., Goldston, D., Arnold, E., Reboussin, B., & Wood, F. (2006), *Suicidality, School Dropout, and Reading Problems Among Adolescents*. *Journal of Learning Disabilities*, 39.
5. Doctor of psychology committee chairperson: Charles maher, Psy.D. New Brunswick, New Jersey.
6. Esra G. Karakaya, Mumin Tufan (2018), *Social Skills, Problem Behaviors and Classroom Management in Inclusive Preschool Settings*, *Journal of Education and Training Studies*. Vol. 6, No. 5, May 2018. Published by Redfame Publishing.
7. Kamens, M., Dolyniuk, c., Dinardo, p., Rockoff, J., Forsythe, J., & Corman, H. (2004), *A collaborative approach to enhancing employment and social skills of students with disabilities: Perspectives of the stakeholders*. Preventing School Failure, 48.
8. Nguyễn Thị Ngọc Lê (2015), *Một số biện pháp quản lý chất lượng giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ 5 tuổi thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang*, Tạp chí giáo dục số đặc biệt, tháng 3.
9. Oliver, RM, Wehby, JH, & Reschly, DJ (2011), *Teacher Classroom Management Practices: Effects on Disruptive or Aggressive Student Behavior*. Paper presented at the Society for Research on Educational Effectiveness Conference, Netherlands.
10. Sakarya, AR (2009), *Elementary school students' awareness level of their problem behaviors in the classroom*, Published master's thesis, Yeditepe University, İstanbul, Turkey.